

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11** /2021/HS-ST

Ngày: 04 - 02 -2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung và ông Trần Văn Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2021/TLST- HS ngày 15 tháng 1 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn Q (tên gọi khác: không); sinh năm 1992 tại tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Lại Thị V. Bị cáo có vợ là Phạm Thị H.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2014 /HSST ngày 24 tháng 3 năm 2014 của TAND Quận H, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo Trần Văn Q 28 tháng tù và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Trần Văn Q đã chấp hành xong hình phạt tù và án phí.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2020 đến ngày 15/10/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị H - sinh năm 1996; trú tại: Xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Trần Trọng Đ, Anh Nguyễn Văn L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Q là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 8 giờ ngày 13/10/2020, Trần Văn Q điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – 957.90 từ nhà đến khu vực bến xe khách huyện K thuộc phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. Tại đây, Q hỏi và mua được 01 gói ma túy gói ngoài bằng giấy nilon màu trắng của một người đàn ông không quen biết với giá

200.000đ. Sau đó, Q cầm gói ma túy trong tay trái rồi điều khiển xe mô tô đến khu vực xóm 1 xã Đ, huyện K thì dừng lại, thấy vắng người Q dừng xe lại định mở gói ma túy ra kiểm tra thì bị tổ công tác Công an huyện K kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trên tay trái của Q 01 gói ma túy gói ngoài bằng giấy nilon màu trắng, ngoài ra còn thu giữ của Q, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 35B1 – 957.90

Kiểm tra gói nhỏ nhỏ thu giữ của Q bên trong có chứa chất bột dạng cục màu trắng, cân xác định khối lượng là 0,22 gam, ký hiệu M gửi trưng cầu giám định.

Tại Kết luận giám định số 280/KLGD-PC09-MT ngày 15/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi giám định ký hiệu M có khối lượng 0,2210 gam là ma túy, loại Heroine.

Quá trình điều tra, Trần Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 15/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 18 (*mười tám*) tháng tù đến 21 (*Hai mươi một*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 13/10/2020.
- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy những vật chứng của vụ án bao gồm:

- 01 phong bì niêm phong ghi số 280/KLGD-PC09-MT, bên trong có vật chứng còn lại sau giám định, ký hiệu M, có khối lượng 0,1416g, là ma túy loại Heroine và toàn bộ vỏ bao gói trong gói niêm phong trên giáp lai có chữ ký của đại diện bên giao, bên nhận đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Ninh Bình.

- 01 phong bì niêm phong bên trong có: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu khi thu giữ 01 gói nhỏ của Trần Văn Q; 01 vỏ gói nhỏ là giấy trắng.

Trả lại cho vợ bị cáo là chị Phạm Thị H chiếc 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRUS, có BKS 35B1 – 97590 xe đã cũ. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ bị cáo phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của gia đình bị cáo.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa Trần Văn Q khai nhận: Bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, sáng ngày 13/10/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô đến khu vực bên xe khách K để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. Tại đây, Q mua được 01 gói ma túy của một người đàn ông không quen biết với giá 200.000đ. Sau đó, mang gói ma túy đến khu vực xóm 1 xã Đ, huyện K định mở gói ma túy ra xem thì bị tổ công tác Công an huyện K kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang hành vi phạm tội của bị cáo.

[2] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Trần Văn Q như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 9 giờ 10 phút ngày 13 tháng 10 năm 2020; phù hợp kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận: Hồi 8 giờ 15 phút ngày 13/10/2020, tại khu vực nghĩa trang thuộc xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trần Văn Q đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,2210 gam Heroin để sử dụng cho bản thân. Heroin là chất ma túy có số thứ tự 09 thuộc Bảng danh mục I ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ – CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.

[3] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi cất giữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,2210 gam là loại Heroine của bị cáo Q đã phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[4] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý, sản xuất kinh doanh, một số loại hàng cấm, nguy hiểm cho xã hội. Mặt khác hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội và việc quản lý kinh tế tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ ma túy là mặt hàng nhà nước tàng trữ, sử dụng và mua bán, việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vì nhu cầu sử dụng cho bản thân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo Q một mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã

hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cai nghiện, học tập thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội để phục vụ cho nhu cầu nghiện ma túy của bản thân, mặt khác qua xác minh tại chính quyền địa phương bị cáo không cso tài sản riêng và cũng không có công ăn việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về nguồn gốc ma túy: Trần Văn Q khai mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực bến xe khách K. Bản thân bị cáo Q không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này và nếu có gặp lại bị cáo cũng không nhận dạng được. Do đó Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh và sử lý .

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS xử lý như sau:

Toàn bộ số ma túy hoàn trả sau khi giám định có khối lượng $M = 0,1416$ gam Heroin cùng với toàn bộ vỏ bao niêm phong ban đầu được niêm phong trong một phong bì ghi số 280/KLGD – PC09 - MT cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

01 phong bì niêm phong bên trong có: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu khi thu giữ 01 gói nhỏ của Trần Văn Q; 01 vỏ gói nhỏ là giấy trắng . Cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRUS, có BKS 35B1 – 97590 xe đã cũ. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ bị cáo phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của gia đình bị cáo do vậy nay cần trả lại cho vợ bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Văn Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra , truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 13/10/2020.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy những vật chứng của vụ án gồm:

Toàn bộ số ma túy hoàn trả sau khi giám định có khối lượng $M = 0,1416$ gam Heroin cùng với toàn bộ vỏ bao niêm phong ban đầu được niêm phong trong một phong bì ghi số 280/KLGD – PC09 – MT.

01 phong bì niêm phong bên trong có: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu khi thu giữ 01 gói nhỏ của Trần Văn Q; 01 vỏ gói nhỏ là giấy trắng .

- Trả lại cho chị Chị Phạm Thị H là vợ bị cáo Trần Văn Q 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRUS, có BKS 35B1 – 97590 xe đã cũ.

(Chi tiết vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Trần Văn Q phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/02/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Công an huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- Bị cáo,
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh